TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số 07/2023/DS-ST Ngày 21-3-2023 V/v Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Xuân Tĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hòa;

Ông Dương Đình Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại Phòng xét xử số 2, trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2022/TLST-DS ngày 19-10-2022 về việc Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 27-02-2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Số 266 - 268 đường N, phường 8, quận 3, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ Tổng giám đốc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H - Chức vụ Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S, Chi nhánh L; địa chỉ chi nhánh L: Số 01 Lê L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Quyết định ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27-12-2021), vắng mặt.

Người được ông Nguyễn Thế H thừa ủy quyền lại là bà Đỗ Thu H - Chức vụ Phó phòng kiểm soát rủi ro, Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần S tỉnh L (Giấy ủy quyền số 67/2022/GUQ-CNLS ngày 29-12-2022), có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Hữu T, sinh năm 2000; địa chỉ số 42, đường T, khối V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-6-2022, bản tự khai ngày 14-11-2022 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà Đỗ Thu H trình bày: Ngày 08-5-2020 anh Trần Hữu T với Ngân hàng thương mại cổ phần S, Chi nhánh L (gọi tắt là Ngân hàng S) ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức vay là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, loại món vay không có tín chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay, lãi suất là 2,6%. Cụ thể là loại thẻ tín dụng ATM để rút tiền mặt tại cây ATM của Ngân hàng S với hạn mức tối đa là 90%, tương ứng với số tiền 27.000.000 đồng và được sử dụng để quẹt thẻ tại máy POS có chấp nhận thẻ tín dụng với số tiền tối đa 30.000.000 đồng, thời hạn sử dụng thể từ tháng 5-2020 đến tháng 5-2025. Sau thời hạn trên có thể đề nghị ngân hàng gia hạn tiếp tục sử dụng thẻ trong 5 năm tiếp theo.

Sau ký hợp đồng tín dụng anh Trần Hữu T được ngân hàng cấp thẻ có số 356480-4126, hạn mức 30.000.000 đồng, ngày ký hợp đồng 08-5-2020. Quá trình sử dụng thẻ anh Trần Hữu T giao dịch rút tiền qua thẻ lần đầu ngày 22-6-2020 với số tiền tối đa 30.000.000 đồng qua việc quẹt thẻ tại máy POS. Anh Trần Hữu T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 16.448.566 đồng trong tổng số 14 lần thực hiện giao dịch thanh toán. Các giao dịch tiếp theo anh Trần Hữu T chỉ thanh toán số tiền gốc tối thiểu và tiền lãi mà anh Trần Hữu T sử dụng. Qua nhiều lần nhắc nhở anh Trần Hữu T không thực hiện trả nợ, vi phạm Điều 24 Hợp đồng. Sau thời gian 3 tháng kể từ ngày 22-01-2022 đến 22-4-2022 anh Trần Hữu T không thanh toán, nên đã thành nợ xấu, ngày 22-4-2022 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang khoản nợ quá hạn, với tiền gốc, phí trễ hạn, tiền lãi, phí vượt hạn mức và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150%.

Tổng số tiền nợ của anh Trần Hữu T tính đến ngày Ngân hàng làm đơn khởi kiện ngày 05-6-2022 là 36.936.777 đồng. Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Trần Hữu T phải thanh toán trả tổng số tiền nợ là 36.936.777 đồng, trong đó nợ gốc là 34.938.297 đồng; tiền lãi từ ngày 22-4-2022 đến 05-6-2022 là 1.998.480 đồng.

Đối với bị đơn anh Trần Hữu T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 61/2022/TLST-DS ngày 19-10-2022 về việc Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng vay tiền giữa Ngân hàng với bị đơn trong hạn luật định. Quá thời hạn bị đơn có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án không nhận được thông tin tài liệu, bản khai của bị đơn. Ngày 28-10-2022 Tòa án ban hành Giấy triệu tập bị đơn yêu cầu viết bản khai, nhưng không đến.

Quá trình tố tụng Tòa án ban hành văn bản số 5260/CV-TA ngày 02-12-2022 yêu cầu Công an phường C, thành phố L cung cấp thông tin về việc cư trú, có mặt tại địa phương của anh Trần Hữu T; theo công văn trả lời số 164/CAP ngày 13-12-2022 của Công an phường C thể hiện Trần Hữu T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 42, đường T, phường C, thành phố L, nhưng hiện đi đâu không có mặt tại nơi cư trú, không khai báo tạm vắng theo quy định. Ngày 03-01-2023 Tòa án tiến hành lập biên bản xác minh với bà Phạm Thanh H, sinh năm 1972 (là mẹ đẻ anh Trần Hữu T), tại địa chỉ số 42 T, phường C, bà

H cung cấp: Anh Trần Hữu T là con trai của bà, sinh năm 2000 có đăng ký cùng hộ khẩu với gia đình, từ tháng 11-2021 anh Trần Hữu T đã bỏ đi khỏi nhà, đi đâu, làm gì gia đình không biết và không liên lạc được. Về việc vay nợ của anh Trần Hữu T với ngân hàng thế nào bà Phạm Thanh H không biết, không được chi tiêu số tiền này, nên không liên quan và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do vậy, về phía bị đơn anh Trần Hữu T, Tòa án không thu thập được bản tự khai, hoặc các tài liệu, chứng cứ và quan điểm đề nghị gì của bị đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn anh Trần Hữu T phải thanh toán khoản nợ tín dụng tính đến ngày 20-3-2023 tổng số tiền là 50.017.737 đồng; trong đó nợ gốc là 34.938.297 đồng; tiền lãi là 15.079.440 đồng; đồng thời phải trả tiền lãi trên số tiền chưa thanh toàn kể từ ngày 21-3-2023 cho đến khi xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm.

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã có bản tự khai, cung cấp chứng cứ; bị đơn Trần Hữu T vắng mặt tại nơi cư trú và tại phiên tòa. Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ, không có kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Qua tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc, các khoản lãi tính đến ngày 20-3-2023 theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chưa thanh toán theo hợp đồng thẻ tín dụng đã ký kết; bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng (vay tiền); do bị đơn cư trú tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tại thành phố L. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Hữu T do không có mặt tại nơi cư trú Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng vẫn vắng mặt

tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay tiền qua thẻ ATM ngày 08-5-2020 được ngân hàng ký xác nhận ngày 28-5-2020, cùng các tài liệu chứng cứ, chứng minh do nguyên đơn giao nộp. Xác định ngày 08-5-2020 anh Trần Hữu T có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S, Chi nhánh L hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức vay là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, loại món vay không có tín chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay. Căn cứ hồ sơ cấp thẻ tín dụng vay tiền anh Trần Hữu T ký ngày 08-5-2020, có thể hiện thông tin chữ ký họ tên chủ thẻ là Trần Hữu T, sinh ngày 15-5-2000, địa chỉ chỗ ở số 42, T, phường C, thành phố L đúng với Giấy chứng minh thư nhân dân số 082343522 do công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 23-3-2020 cho Trần Hữu T và sổ hộ khẩu số 370069504 do Công an thành phố Lạng Sơn đăng ký ngày 02-6-2011 cho Trần Hữu T, chủ hộ là ông Trần Hữu H và bà Phạm Thanh H là bố mẹ đẻ của anh Trần Hữu T. Nên có đủ căn cứ xác định anh Trần Hữu T có ký hợp đồng tín dụng đề nghị cấp thẻ vay tiền là đúng, có căn cứ.

[4] Về số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả nợ, thấy: Quá trình sử dụng thẻ, căn cứ bản tóm tắt sao kê những lần rút tiền và thanh toán do ngân hàng cung cấp (BL 21) thể hiện anh Trần Hữu T đã thực hiện rút tiền ngày 22-6-2020 với số tiền 30.000.000 đồng; đã thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 22-7-2020 đến ngày 22-01-2022 với số tiền 16.448.566 đồng. Kể từ ngày 22-01-2022 đến 22-4-2022 anh Trần Hữu T không thanh toán, nên đã chuyển sang nợ xấu, ngày 22-4-2022 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang khoản nợ quá hạn, với tiền gốc, phí trễ hạn, tiền lãi, phí vượt hạn mức và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% do vi phạm Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hành TMCP S. Về số tiền nợ gốc và tiền lãi tính căn cứ bản sao kê ngày 21-3-2023 do ngân hàng cung cấp tại phiên tòa, tính đến ngày 20-3-2023 là 50.017.737 đồng; trong đó nợ gốc là 34.938.297 đồng; tiền lãi là 15.079.440 đồng.

[5] Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện cần buộc bị đơn anh Trần Hữu T phải trả cho Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh L tổng số tiền nợ là 50.017.737 đồng; trong đó nợ gốc là 34.938.297 đồng; tiền lãi là 15.079.440 đồng là đúng có căn cứ pháp luật. Ngoài ra bị đơn còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 21-3-2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu án phí với tổng số tiền 50.017.737 đồng x 5% = 2.500.000 đồng (làm tròn số), để sung công quỹ Nhà nước; nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm nhận định và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xem xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh Trần Hữu T, sinh năm 2000; nơi cư trú số 42 đường T, khối V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn có trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh L tổng số tiền là 50.017.737 đồng (năm mươi triệu không trăm mười bẩy nghìn bẩy trăm ba mươi bẩy đồng); trong đó nợ gốc 34.938.297 đồng; nợ lãi là 15.079.440 đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21-3-2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng thẻ tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí: Buộc bị đơn anh Trần Hữu T phải chịu là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, để sung công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Trả lại 923.000 đồng (chín trăm hai mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án cho nguyên đơn, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001056 ngày 18-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKS nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND thành phố Lạng Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- CC.THA DS thành phố Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ + Tổ HCTP.

Dương Xuân Tĩnh